Bệnh do vi-rút corona 2019 (COVID-19)
Triệu Chứng & Xét Nghiệm
Câu Hỏi Thường Gặp
Số Ca Bệnh & Thông Tin Cập Nhật Mới Nhất
Các ca bệnh tại Hoa Kỳ
Xét Nghiệm Tại Hoa Kỳ
Bản Đồ Thế Giới
Tóm Tắt Tình Hình
Hành Động Của CDC

Nhận Thông Tin Cập Nhật Qua Email

Để nhận thông tin cập nhật qua email về COVID-19, hãy cho xin địa chỉ email của quý vị:

Địa chỉ email

Đây là gì? Gửi

Số Ca Bệnh Tại Hoa Kỳ

Ngôn ngữ khác *

Cập nhật ngày 31 tháng 3 năm 2020

Trang này sẽ được cập nhật hàng ngày. Số liệu chết vào lúc 4 giờ chiều trước ngày báo cáo.

Vào Thứ Bảy và Chủ Nhật, số liệu về COVID-19: Sơ lược Tình hình tại Hoa Kỳ và số liệu mới là Hồng số ca bệnh tại tiểu bang COVID-19 tại Hoa Kỳ chỉ đến hiện tại sẽ được cập nhật. Những số liệu này là số liệu ban đầu và chưa được sử ý kiểm thử và tiếng báo xác nhận. CDC sẽ cập nhật số liệu hàng tuần vào ngày thứ Hai tiếp theo để cung cấp thông tin cập nhật của các sở ý tế.

CDC đang ứng phó với sự bùng phát dịch bệnh đường hô hấp do vi-rút corona mới gây ra. Dịch bệnh bùng phát bắn đầu ở Vũ Hán, Trung Quốc, nhưng đã có các ca bệnh được xác định ngày càng tăng nhiều hơn bên ngoài Trung Quốc và đã đến khắc trên toàn thế giới, bao gồm cả Hoa Kỳ. Ngoài CDC, nhiều phòng thí nghiệm y tế công cộng cũng đang xét nghiệm vi-rút gây ra dịch bệnh COVID-19.

Trên trang này

Sơ lược tình hình tại Hoa Kỳ

Số Ca Bệnh Báo Cáo cho CDC

Số Ca Bệnh Ở Các Tiểu Bang Báo Cáo cho CDC

Đường cong lũy tích: Số ca bệnh theo ngày báo cáo tại Hoa Kỳ

Đường Cong Epi: Số Ca Bệnh theo Thời Điểm Khởi Phát

COVID-19: Sơ Lược Tình Hình Tại Hoa Kỳ*†

- Tổng số ca bệnh: 163,539
- Tổng số ca tử vong: 2,860
- Các khu vực phân quyền đã báo cáo ca bệnh: 55 (50 tiểu bang, Thủ Đô Washington, Puerto Rico, Guam, Quần đảo Bắc Mariana và Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ)

* Dữ liệu bao gồm cả các trường hợp dương tính đã xác nhận và dự đoán mắc COVID-19 đã báo cáo cho CDC hoặc đã xét nghiệm tại CDC kể từ ngày 21 tháng 1 năm 2020, ngoại trừ kết quả xét nghiệm của những người trở về Hoa Kỳ từ Vũ Hán, Trung Quốc và Nhật Bản. Các cơ quan y tế công cộng tiểu bang và địa phương đang xét nghiệm và báo cáo công khai các ca bệnh của họ. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa số ca bệnh theo CDC và số ca bệnh theo báo cáo của nhân viên y tế công cộng tiểu bang và địa phương, thì dữ liệu báo cáo của các tiểu bang sẽ được coi là dữ liệu mới nhất.

† Số liệu được cập nhật vào thứ Bảy và Chủ Nhật chưa được các sở ý tế liên thể và tiểu bang xác nhận. Những số liệu này sẽ được điều chỉnh khi số liệu được cập nhật vào thứ Hai.

Số ca bệnh COVID-19 được báo cáo tại Hoa Kỳ, theo Nguồn phơi nhiễm*†

Liên quan đến du lịch	1,042
Tiếp xúc gần	2,919
Đang theo dõi	159,578
Tổng số ca bệnh	163,539

* Dữ liệu bao gồm cả các trường hợp dương tính đã xác nhận và dự đoán mắc COVID-19 đã báo cáo cho CDC hoặc đã xét nghiệm tại CDC kể từ ngày 21 tháng 1 năm 2020, ngoại trừ kết quả xét nghiệm của những người trở về Hoa Kỳ từ Vũ Hán, Trung Quốc và Nhật Bản. Các cơ quan y tế công cộng tiểu bang và địa phương đang xét nghiệm và báo cáo công khai các ca bệnh của họ. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa số ca bệnh theo CDC và số ca bệnh theo báo cáo của nhân viên y tế công cộng tiểu bang và địa phương, thì dữ liệu báo cáo của các tiểu bang sẽ được coi là dữ liệu mới nhất.

† CDC không còn bao cáo số người đang được theo dõi mà đã được xét nghiệm, cũng như đã xét nghiệm âm tính, hiện nay, khi mà các tiểu bang đang xét nghiệm và báo cáo kết quả của chính họ, thì số liệu của CDC không mang tính đại diện cho tất cả các xét nghiệm đang được thực hiện trên toàn quốc.

Số Ca Bệnh COVID-19 Ở Các Tiểu Bang Báo Cáo cho CDC *

Tiểu Bang

Khu vực phân quyền	Ca Bệnh Được Báo Cáo	Sự lây truyền cộng đồng †
Alabama	847	Có, (các) khu vực đã được xác định
Alaska	119	Có, (các) khu vực đã được xác định
American Samoa	0	Không áp dụng
Arizona	1157	Có, lây lan diện rộng
Arkansas	504	Có, (các) khu vực đã được xác định
California	6909	Có, lây lan diện rộng
Colorado	2627	Có, lây lan diện rộng
Connecticut	2571	Có, lây lan diện rộng
Delaware	264	Có, (các) khu vực đã được xác định
Washington D.C.	495	Chưa xác định
Florida	5489	Có, (các) khu vực đã được xác định
Georgia	3812	Có, lây lan diện rộng
Guam	60	Có, (các) khu vực đã được xác định
Hawaii	163	Có, (các) khu vực đã được xác định
Idaho	415	Có, (các) khu vực đã được xác định
Illinois	5057	Có, lây lan diện rộng
Indiana	1786	Chưa xác định
Iowa	424	Có, lây lan diện rộng
Kansas	368	Có, (các) khu vực đã được xác định
Kentucky	480	Chưa xác định
Louisiana	4025	Có, lây lan diện rộng
Maine	303	Có, (các) khu vực đã được xác định
Marshall Islands	0	Không áp dụng
Maryland	1660	Có, lây lan diện rộng
Massachusetts	5752	Có, lây lan diện rộng
Michigan	6498	Có, (các) khu vực đã được xác định
Micronesia	0	Không áp dụng
Minnesota	576	Có, (các) khu vực đã được xác định
Mississippi	937	Có, (các) khu vực đã được xác định
Missouri	1031	Có, (các) khu vực đã được xác định
Montana	184	Có, (các) khu vực đã được xác định
Nebraska	145	Có, (các) khu vực đã được xác định
Nevada	1044	Có, (các) khu vực đã được xác định
New Hampshire	314	Có, (các) khu vực đã được xác định
New Jersey	16636	Có, lây lan diện rộng
New Mexico	281	Có, (các) khu vực đã được xác định
New York	67131	Có (khu vực đã được xác định ha...
North Carolina	1498	Có, lây lan diện rộng
North Dakota	109	Có, lây lan diện rộng
Northern Mariana	1 đến 5	Chưa xác định
Ohio	1903	Chưa xác định
Oklahoma	481	Có, lây lan diện rộng
Oregon	606	Có, lây lan diện rộng
Palau	0	Không áp dụng
Pennsylvania	4087	Có, (các) khu vực đã được xác định
Puerto Rico	174	Chưa xác định
Rhode Island	479	Có, lây lan diện rộng
South Carolina	925	Có, (các) khu vực đã được xác định
South Dakota	101	Có, (các) khu vực đã được xác định
Tennessee	1834	Có, (các) khu vực đã được xác định
Texas	2877	Chưa xác định
Utah	806	Có, lây lan diện rộng
Vermont	256	Có, (các) khu vực đã được xác định
Virgin Islands	30	Chưa xác định
Virginia	1020	Có, lây lan diện rộng
Washington	4896	Có, lây lan diện rộng
West Virginia	145	Có, (các) khu vực đã được xác định
Wisconsin	1221	Có, (các) khu vực đã được xác định
Wyoming	95	Có, (các) khu vực đã được xác định

* Dữ liệu bao gồm cả các trường hợp dương tính đã xác nhận và dự đoán mắc COVID-19 đã báo cáo cho CDC hoặc đã xét nghiệm tại CDC kể từ ngày 21 tháng 1 năm 2020, ngoại trừ kết quả xét nghiệm của những người trở về Hoa Kỳ từ Vũ Hán, Trung Quốc và Nhật Bản. Các cơ quan y tế công cộng tiểu bang và địa phương đang xét nghiệm và báo cáo công khai các ca bệnh của họ. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa số ca bệnh theo CDC và số ca bệnh theo báo cáo của nhân viên y tế công cộng tiểu bang và địa phương, thì dữ liệu báo cáo của các tiểu bang sẽ được coi là dữ liệu mới nhất.

†Tự báo cáo bởi sở ý tế mỗi bị mức độ lây truyền cộng đồng trong phạm vi quyền hạn của họ là: "Có, (các) khu vực" (được định nghĩa là sự lây truyền cộng đồng trên diện rộng trên khắp một vài khu vực địa lý); "Có, (các) khu vực" được xách rõ rành ghi" (được định nghĩa là các cụm ca bệnh khác nhau trong một, hoặc một vài, khu vực địa lý được xách rõ rành ghi); "Không xác định" (được định nghĩa là: 1 hoặc nhiều hơn ca bệnh nhưng không được phân loại là "Có" đối với sự lây truyền cộng đồng); hoặc "Không áp dụng" (được định nghĩa là không có ca bệnh).

Tổng số ca bệnh COVID-19 tích lũy tại Hoa Kỳ theo ngày báo cáo, 12 tháng 1 năm 2020 đến 30 tháng 3 năm 2020, lúc 4 giờ chiều giờ miền Đông (n=163,539)*†

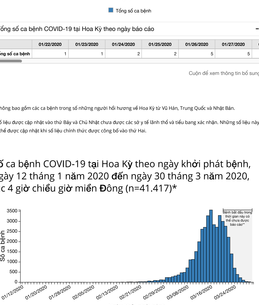

Tổng số ca bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ theo ngày báo cáo

| | 01/20/2020 | 01/28/2020 | 01/29/2020 | 01/30/2020 | 01/31/2020 | 02/01/2020 | 02/02/2020 | 02/03/2020 | 02/04/2020 | 02/05/2020 | 02/06/2020 | 02/07/2020 | 02/08/2020 | 02/09/2020 | 02/10/2020 | 02/11/2020 | 02/12/2020 | 02/13/2020 | 02/14/2020 | 02/15/2020 | 02/16/2020 | 02/17/2020 | 02/18/2020 | 02/19/2020 | 02/20/2020 | 02/21/2020 | 02/22/2020 | 02/23/2020 | 02/24/2020 | 02/25/2020 | 02/26/2020 | 02/27/2020 | 02/28/2020 | 02/29/2020 | 03/01/2020 | 03/02/2020 | 03/03/2020 | 03/04/2020 | 03/05/2020 | 03/06/2020 | 03/07/2020 | 03/08/2020 | 03/09/2020 | 03/10/2020 | 03/11/2020 | 03/12/2020 | 03/13/2020 | 03/14/2020 | 03/15/2020 | 03/16/2020 | 03/17/2020 | 03/18/2020 | 03/19/2020 | 03/20/2020 | 03/21/2020 | 03/22/2020 | 03/23/2020 | 03/24/2020 | 03/25/2020 | 03/26/2020 | 03/27/2020 | 03/28/2020 | 03/29/2020 | 03/30/2020 |
|---|---|---